

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/KDTM - PT.

Ngày : 26/5/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***

Các Thẩm phán : ***Ông Nguyễn Thái Sơn***

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ***Ông Nguyễn Trung Kiên***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: ***Ông Nguyễn Trần Thắng – KSV***

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2022/TLPT - KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 85/2021/ KDTM – ST ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân Quận Ba Đình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2022/QĐPT – KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: ***Ngân hàng T*** (gọi tắt Ngân hàng)

Trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018.

Ông Tuấn Anh ủy quyền lại cho: Bà Trần Thị Thơm, bà Nguyễn Thị Lan; ông Nguyễn Văn Thùy, ông Trương Công Đức Văn bản ủy quyền số 2305/2022/UQ-VPB/ 23/5/2022.

Bị đơn: ***Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A*** (gọi tắt Công ty A)

Trụ sở: 64 đường Yên Phụ, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thành Trung – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Xuân Nam theo văn bản ủy quyền số 01/2020/VBUQ/ A ngày 26/11/2020.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần dịch vụ T (gọi tắt Công ty T)

Trụ sở chính: Tổ dân phố Mậu, thị trấn T, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Văn phòng giao dịch: Tầng 3, Tòa tháp VPBank, số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Chiến – Tổng giám đốc.

(Ông Đức có mặt; Công ty A, Công ty T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

I. Trong đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa Ngân hàng trình bày như sau:

Ngày 18/5/2017, Ngân hàng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo và Công ty A ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 040517-3433423-01-SME và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 18/5/2017, với nội dung: Ngân hàng cho Công ty A vay số tiền 16.000.000.000 đồng; trong đó: Hạn mức cho vay thi công: 10.000.000.000 đồng; Hạn mức cho vay mua thiết bị: 6.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ vốn theo phương thức tài trợ trọn gói đối với Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ngày 10/4/2017. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 18/5/2017. Thời hạn cho vay tối đa: 06 tháng theo quy định trong từng khế ước nhận nợ; Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên vay và bên ngân hàng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 9,7 %; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 18/5/2017, hai bên ký phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi bổ sung nghĩa vụ của bên vay vào Hợp đồng: Cam kết sử dụng toàn bộ dòng tiền từ Hợp đồng thi công số 05/2017/HĐTC/TYT-A ngày 10/4/2017 được chuyển khoản duy nhất, không hủy ngang về tài khoản của bên vay vào tài khoản của Ngân hàng.

Bổ sung điều kiện giải ngân: giải ngân cho nhà cung cấp, giải ngân thanh toán lương, nhân công, tỷ lệ vốn Ngân hàng tài trợ mỗi lần giải ngân tối đa là 40%, vốn tự có tối thiểu 15% tổng phương án, còn lại là giải tỏa tạm ứng nhưng không vượt quá 100% giá trị hóa đơn hoặc giá trị hợp đồng đầu vào của khoản vay.

**Tài sản đảm bảo cho khoản vay:*

1/ Quyền sở hữu tài sản của bên thế chấp: Ông Đinh Xuân Nam và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 239/HĐ ký ngày 23/9/2011 giữa bên thế chấp là ông Đinh Xuân Nam và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung với Công ty cổ phần Tập đoàn Đông Đô, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 01246/2018/HĐTC ngày 04/4/2018 tại văn phòng công chứng Vĩnh Xuân, thành phố Hà Nội.

2/ Quyền đòi nợ và tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty T và Công ty A. Hợp đồng thế chấp số 040517/3433423-01-SME/HĐTC/VPB-A ngày 18/5/2017. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

3/ 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu VEAM VT 750 BKS: 29C-658.60, đăng ký xe ô tô số 305529 do Phòng CSGT Công an TP Hà Nội cấp ngày 04/10/2016 đứng tên Công ty A.

- Thực hiện theo nội dung Hợp đồng cho vay hạn mức số 040517-3433423-01-SME ngày 18/5/2017 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 18/5/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A vay số tiền là 7.331.225.572 đồng qua 5 khế ước nhận nợ:

Khế ước nhận nợ ngày 31/05/2017, số tiền giải ngân là 800.000.000 đồng

Khế ước nhận nợ ngày 01/6/2017, số tiền giải ngân là 616.210.933 đồng

Khế ước nhận nợ ngày 11/7/2017, số tiền giải ngân là 1.021.327.972 đồng

Khế ước nhận nợ ngày 16/8/2017, số tiền giải ngân là 2.400.000.000 đồng

Khế ước nhận nợ ngày 27/6/2017, số tiền giải ngân là 2.493.686.667 đồng

Quá trình thực hiện Hợp đồng đến ngày 30/11/2017, Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Tính đến thời điểm này Công ty A đã trả nợ được cho Ngân hàng tổng số tiền là 3.677.907.561 đồng; trong đó nợ gốc là 3.636.333.404 đồng; nợ lãi 41.574.157 đồng.

Ngày 15/05/2018, ông Đinh Xuân Nam đã bàn giao cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu VEAM VT 750 BKS: 29C-658.60, Ngân hàng đã xử lý tài sản đảm bảo thu nợ được số tiền: 301.760.000 đồng, được hạch toán toàn bộ vào số nợ gốc của khoản vay.

Ngày 14/02/2020, ông Đinh Xuân Nam và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty A số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, Ngân hàng đã cho giải chấp tài sản đảm bảo là Quyền sở hữu tài sản của bên thế chấp: Ông Đinh Xuân

Nam và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 239/HĐ ký ngày 23/9/2011 giữa bên thế chấp là ông Đinh Xuân Nam và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung với Công ty cổ phần Tập đoàn Đông Đô, theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 01246/2018/ HĐTC ngày 04/4/2018 tại Văn phòng công chứng Vĩnh Xuân, thành phố Hà Nội.

Từ thời điểm đó đến nay, Công ty A không trả thêm được khoản nào cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc:

1/ Buộc Công ty A phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức và các Khế ước nhận nợ nêu trên; tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/11/2021) là: 6.299.447.735 đồng, trong đó nợ gốc: 3.694.892.168 đồng; nợ lãi trong hạn: 38.388.236 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.134.947.868 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi: 431.219.464 đồng.

2/ Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến ngày Công ty A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

3/ Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án về việc Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, cụ thể tài sản như sau: Quyền đòi nợ và tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty T và Công ty A theo Hợp đồng thế chấp số 040517/3433423-01-SME/HĐTC/VPB- A ngày 18/5/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty T đã giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án chứng minh việc hai bên đã quyết toán công trình theo Hợp đồng kinh tế số 05/2017/HĐTC/TYT-A ngày 10/4/2017, tuy nhiên các tài liệu chứng cứ đó cũng không có căn cứ gì để Ngân hàng xác định số tiền mà bên Công ty T đưa ra cho rằng Công ty A còn nợ, do hai bên còn đang tranh chấp và chốt công nợ với nhau. Trường hợp nếu đủ căn cứ cho rằng Công ty T hiện không còn nợ tiền đối với Công ty A thì Ngân hàng xác định trách nhiệm trả nợ vẫn thuộc về Công ty A.

4/ Trường hợp Tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty A, đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty A để trả nợ cho Ngân hàng .

II. Trong bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại

phiên tòa sơ thẩm, Công ty A do ông Đinh Xuân Nam đại diện trình bày:

Công ty A xác nhận có ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 040517-3433423-01-SME và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 18/5/2017 với nội dung như nguyên đơn trình bày là đúng, bị đơn không có ý kiến gì.

Về số nợ gốc và lãi trong hạn, quá hạn mà Ngân hàng đưa ra tại các buổi làm việc tại Tòa án, Công ty A cũng nhất trí và xác định trách nhiệm trả nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng. Tuy nhiên do hiện nay Công ty cũng gặp khó khăn về kinh tế do ảnh hưởng của dịch covid 19, nên Công ty A đề nghị Ngân hàng xem xét tạo điều kiện miễn lãi quá hạn, giảm lãi trong hạn và cho bị đơn được trả nợ. Riêng đối với khoản lãi phạt chậm trả lãi thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo : Sau khi Công ty T và Công ty A ký hồ sơ quyết toán và biên bản thống nhất về việc chấm dứt Hợp đồng thi công, giữa hai bên còn có những khoản tiền phát sinh ngoài Hợp đồng mà 2 bên không thống nhất được. Công ty A xác định: Quyền đòi nợ và tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty T và Công ty A không còn, Công ty A chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản vay của Công ty A cho Ngân hàng.

Ngân hàng đã được Công ty A và Công ty T cung cấp hồ sơ quyết toán và biên bản thống nhất về việc chấm dứt Hợp đồng thi công, như vậy Ngân hàng cũng nắm bắt được việc Công ty A đang nợ Công ty T số tiền là 8.153.038.051 đồng. Ngân hàng cũng đã yêu cầu hai bên gấp gờ làm việc nhưng Công ty T cho rằng giữa Công ty A và Công ty T đã quyết toán xong và đã ký biên bản thống nhất về việc chấm dứt Hợp đồng thi công, nên không đồng ý làm việc và đối chiếu công nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

- Công ty A cho Công ty T vay 7.000.000.000 đồng và cho Công ty T thuê lại một số công cụ do Công ty Nam Anh nhận bàn giao, Công ty A không có tài liệu chứng cứ để chứng minh khoản vay 7.000.000.000 đồng với Công ty T. Còn về dụng cụ Công ty A cho Công ty T thuê thì đây không phải là nguyên vật liệu mà được Công ty T quyết toán theo Hợp đồng kinh tế số 05 mà là tài sản cá nhân của Công ty A, nên bị đơn xác định đây là phần tranh chấp ngoài hợp đồng. Hiện nguyên đơn cũng chưa có đủ tài liệu liên quan đến phần tranh chấp này, nên cũng không có căn cứ để khởi kiện đối với Công ty T. Do vậy đối với yêu cầu là quyền xử lý tài sản là quyền đòi nợ và tài sản hình thành trong tương lai thì đề

ngợi Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và theo quy định của pháp luật để giải quyết.

III. Trong bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty T do ông Trần Văn Chiến là đại diện trình bày:

Ngày 10/4/2017, Công ty T và Công ty A ký Hợp đồng Thi công Xây dựng Công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A về việc Thi công Nhà ga Cáp treo. Giá trị Hợp đồng tạm tính là: 42.570.673.000 đồng.

- Ngày 25/4/2017, Công ty T thực hiện tạm ứng, căn cứ hồ sơ đề nghị tạm ứng của Công ty A, Giá trị tạm ứng là: 14.706.232.491 đồng.

- Ngày 08/8/2017, Công ty T thực hiện thanh toán, căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của Công ty A, Giá trị thanh toán là: 1.617.250.000 đồng.

- Do vi phạm tiến độ xây dựng trong quá trình thực hiện, Công ty T và Công ty A thống nhất chấm dứt Hợp đồng số 05/2017/HĐTC/TYT-A như quy định tại Biên bản thống nhất ký ngày 18/8/2017. Tại Bảng Tổng hợp Giá trị đề nghị Quyết toán ngày 16/4/2018, Các bên xác nhận giá trị quyết toán như sau:

a) Giá trị Hợp đồng là:	42.570.673.000 đồng
b) Giá trị quyết toán Hợp đồng là:	8.170.444.440 đồng
c) Giá trị đã tạm ứng, thanh toán là:	16.323.482.491 đồng
d) Giá trị giữ lại bảo hành (5%) + giá trị theo BBXL ngày 17/6/2017 là:	405.765.202 đồng
e) Giá trị Công ty A phải trả cho Công ty T là:	8.558.803.253 đồng
Làm tròn là:	8.558.803.000 đồng

- Tính từ ngày 11/10/2018 (hết thời hạn bảo hành công trình), số tiền Công ty A nợ Công ty T là: 8.153.038.051 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ, một trăm năm mươi ba triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, không trăm năm mươi một đồng*), chi tiết như sau:

Giá trị Công ty A đã nhận từ Công ty T là:	16.323.482.491 đồng
Giá trị Khối lượng công việc Công ty A đã hoàn thành, được nghiệm thu và quyết toán là:	8.170.444.440 đồng
Giá trị Công ty A phải trả cho Công ty T là:	8.153.038.051 đồng

- Căn cứ tình hình thực hiện, quyết toán hợp đồng nêu trên, Công ty T đã thực hiện xong việc thanh toán đối với Công ty A theo Hợp đồng thi công Xây dựng Công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A, ký ngày 10/4/2017.

Điều này đồng nghĩa với việc Công ty T không còn bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào đối với Công ty A theo Hợp đồng Thi công Xây dựng Công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A, ký ngày 10/4/2017, do vậy không phát sinh quyền đòi nợ liên quan đến Hợp đồng số 05/2017/HĐTC/TYT-A này.

Đối với quan điểm của Công ty A, Công ty T hoàn toàn bác bỏ và đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo các văn bản mà Công ty T đã xuất trình cho Tòa án thì Công ty A còn nợ Công ty T số tiền là: 8.153.038.051 đồng, Công ty T không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản tiền trên trong vụ án này.

Việc Ngân hàng cho rằng giữa hai bên Công ty T và Công ty A chưa ký biên bản đối chiếu công nợ, nên Ngân hàng không có căn cứ để xác định quyền đòi nợ và tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thi công Xây dựng Công trình số 05/2017/HĐTC-A, ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty T và Công ty A thì Công ty T cho rằng hồ sơ quyết toán hợp đồng là căn cứ để xác định quyền và nghĩa vụ giữa hai bên (trong đó bao gồm cả công nợ), vì vậy việc Ngân hàng yêu cầu ký biên bản đối chiếu công nợ là không cần thiết.

Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty A phải thanh toán tiền theo Hợp đồng tín dụng thì Công ty T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản đảm bảo có liên quan đến Công ty T thì Công ty T khẳng định không có nghĩa vụ gì liên quan đến hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng khởi kiện Công ty A.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 85/2021/KDTM-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình đã quyết định như sau:

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A.

2. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng theo các Hợp đồng cho vay hạn mức số 040517-3433423-01-SME ngày 18/5/2017; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 18/5/2017 và khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 3.694.892.168 đồng (Ba tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu tám trăm chín mươi hai nghìn một trăm sáu mươi tám đồng);

- Nợ lãi trong hạn: 38.388.236 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng);

- Nợ lãi quá hạn: 2.134.947.868 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng);

Tổng cộng: **5.868.228.272 đồng** (Năm tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đối với yêu cầu đòi khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi là: 431.219.464 đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu hai trăm mười chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ và tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty T và Công ty A, theo Hợp đồng thế chấp số 040517/3433423-01-SME/HĐTC/VPB- A ngày 18/5/2017.

5. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các phụ lục Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

6. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận là: 21.248.779 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng), theo biên lai số 00248966 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, nên được hoàn trả số tiền: 35.751.221 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi một nghìn hai trăm hai mươi một đồng).

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận là: 113.868.228 đồng (Một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm hai mươi tám đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm : Ngân hàng kháng cáo 1 phần bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngân hàng rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đòi số lãi phạt 431.219.464 đồng. Ngân hàng nộp bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong

tương lai số 040517/3433423-01-SME/HĐTCTSTL và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp Công ty A không trả nợ Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền đòi nợ và tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty T và Công ty A, theo Hợp đồng thế chấp số 040517/3433423-01-SME/HĐTC/VPB- A ngày 18/5/2017.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của Ngân hàng trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đòi số lãi phạt 431.219.464 đồng, xét thấy sự tự nguyện của Ngân hàng phù hợp pháp luật, nên chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đòi lãi phạt.

Về Hợp đồng thế chấp: các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực, tuy nhiên căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Công ty T và Công ty A chấm dứt Hợp đồng thi công nên không làm phát sinh quyền đòi nợ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- ***Về thủ tục tố tụng*** : Đơn kháng cáo của Ngân hàng trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

- Công ty T và Công ty A đều có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

- ***Về nội dung:***

* Về Lãi phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo về việc đòi số lãi phạt 431.219.464 đồng, xét thấy sự tự nguyện nêu trên của Ngân hàng phù hợp pháp luật, nên chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 244

Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lãi phạt do Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

* Về Hợp đồng thế chấp :

- Ngày 18/5/2017 Ngân hàng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo do Bùi Nguyên Ánh – Phó giám đốc chi nhánh và Công ty A do ông Đinh Xuân Nam – giám đốc đại diện ký Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 040517/3433423-01-SME/HĐTC/VPB- A với nội dung: “ *Bên thế chấp tự nguyện thế chấp và Bên nhận thế chấp đồng ý nhận thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Bên thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, cụ thể như sau: a. Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty T và Công ty A*”. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/5/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng.

Thấy rằng các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với các điều 317,319 Bộ luật dân sự 2015 , điều 22 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 , Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm, nên phát sinh hiệu lực.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Công ty T và Công ty A đã thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ngày 10/4/2017, hai bên thanh quyết toán công nợ, quyền và nghĩa vụ của 2 bên đã chấm dứt, theo đó Công ty T không còn nợ Công ty A, do vậy không làm phát sinh quyền đòi nợ của Công ty A đối với Công ty T khi thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ngày 10/4/2017, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty T và Công ty A là có căn cứ, nên chấp nhận, do vậy không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng.

- Tại cấp phúc thẩm Ngân hàng xuất trình cho Tòa án Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 040517/3433423-01-SME/HĐTCTSTL ngày 18/5/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty A. Thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Ngân hàng chưa xuất trình và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp nêu trên, căn cứ điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm không thể

xem xét đối với Hợp đồng thế chấp nêu trên, nếu sau này Ngân hàng khởi kiện được giải quyết bằng vụ án khác.

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, sửa Bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi lãi phạt do Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện.

* Về án phí : Ngân hàng phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 317, 319, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ điều 147, điều 148, khoản 1 điều 161, khoản 1 điều 228, khoản 2 điều 244 khoản 2 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 ,Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 , Khoản 6 điều 12 Nghị định 83/2010 ngày 23/7/2010 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 2 điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,giảm,thu, nộp,quản lý,sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 85/2021/KDTM-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân Quận Ba Đình và quyết định như sau:

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A.

2. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng khoản nợ theo các Hợp đồng cho vay hạn mức số 040517-3433423-01-SME ngày 18/5/2017; Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 18/5/2017 và khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 3.694.892.168 đồng (Ba tỷ sáu trăm chín mươi tư triệu tám trăm chín mươi hai nghìn một trăm sáu mươi tám đồng);

- Nợ lãi trong hạn: 38.388.236 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng);

- Nợ lãi quá hạn: 2.134.947.868 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi tư triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng);

Tổng cộng: **5.868.228.272 đồng** (Năm tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi là: 431.219.464 đồng (Bốn trăm ba mươi một triệu hai trăm mười chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn đồng) do Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng rút yêu cầu.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ và tài sản hình thành trong tương lai phát sinh theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05/2017/HĐTC/TYT-A ký ngày 10/4/2017 giữa Công ty cổ phần dịch vụ T và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A, theo Hợp đồng thế chấp số 040517/3433423-01-SME/HĐTC/VPB- A ngày 18/5/2017.

5. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2021), Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

6. Về án phí :

- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng phải chịu 2.000.000đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0067613 ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng), theo biên lai số 00248966 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng A phải chịu: 113.868.228 đồng (Một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm hai mươi tám đồng) án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26/5/2022.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Quận Ba Đình.
- Chi cục THADS Quận Ba Đình.;
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

